

Bản án số: 26/2023/HNGĐ-ST

Ngày 14-7-2023

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Quỳnh Như

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ngọc Hải

2. Ông Nguyễn Minh Toàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Linh- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 34/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 ngày 5 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2023/QĐXX-ST ngày 21 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Anh T, sinh năm 1990; nơi cư trú: Số 22 Phố Đoàn Kết, Tổ dân phố số 12 phường Đằng Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Phương Th, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Số 1/131 Hùng Duệ Vương, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn anh Lê Anh T trình bày:

Anh T và chị Th kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đằng Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng ngày 11/12/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian, tuy nhiên sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, hai vợ chồng không tìm

được tiếng nói chung, mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành, từ tháng 12/2020 đến nay hai vợ chồng sống ly thân, mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh T làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Phương Th.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Lê Tuấn M, sinh ngày 18/7/2018. Ly hôn, anh T đề nghị Tòa án giao con chung cho chị Th được trực tiếp nuôi dưỡng vì cháu đang ở cùng chị Th. Về cấp dưỡng nuôi con anh đề nghị tự thỏa thuận với chị Th, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh T đề nghị tự thỏa thuận với chị Th, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn là chị Nguyễn Thị Phương Th:

Chị Th thống nhất với anh T về quá trình kết hôn, chung sống. Chị thừa nhận vợ chồng có bất đồng, mâu thuẫn, chị đã gây ra áp lực về kinh tế đối với anh T dẫn đến vợ chồng cãi vã nhau. Từ tháng 12/2020 chị và anh T đã ly thân mỗi người một nơi. Nay anh T có đơn xin ly hôn với chị, quan điểm của chị là không đồng ý vì chị vẫn còn tình cảm với anh T và mong muốn con có một gia đình đầy đủ cả bố và mẹ.

Về con chung: Chị Th xác nhận anh chị có 01 con chung là cháu Lê Tuấn Minh, sinh ngày 18/7/2018. Trường hợp nếu phải ly hôn, chị đề nghị được nuôi dưỡng cháu Minh. Về cấp dưỡng nuôi con chị và anh T tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Th không đề nghị Tòa án giải quyết.

Xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện: Anh T và chị Th là vợ chồng, trong cuộc sống hàng ngày có mâu thuẫn nên anh chị đã ly thân từ đầu năm 2021 đến nay. Việc anh T có đơn xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Lê Tuấn Minh, đề nghị Tòa án xem xét để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các cháu. Về tài sản chung: Địa phương không nắm được anh T và chị Th có những tài sản chung gì.

Tòa án lấy lời khai của mẹ đẻ anh T thể hiện vợ chồng anh T, chị Th đến nay mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh T được ly hôn chị Th. Về con chung: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung: Anh T và chị Th không có tài sản chung.

Ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng thành phố Hải Phòng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng

và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (đã đến Tòa án để viết bản tự khai và tham gia hòa giải, tuy nhiên đến phiên tòa thì vắng mặt không có lý do).

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Anh T, xử cho anh Lê Anh T được ly hôn chị Nguyễn Thị Phương Th. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung là cháu Lê Tuấn Minh, sinh ngày 18/7/2018 cho chị Nguyễn Thị Phương Th được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T và chị Th tự thỏa thuận nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn là anh T phải chịu 300.000 đồng án phí theo quy định của pháp luật. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền: Đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp nuôi con. Bị đơn là chị Nguyễn Thị Phương Th có đăng ký hộ khẩu thường trú tại quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt nhưng có đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Anh T và chị Nguyễn Thị Phương Th kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đằng Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng vào ngày 11/12/2017 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, phát sinh mâu thuẫn, từ tháng 12/2020 đến nay vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Chị Th trình bày vẫn còn tình cảm với anh T, không đồng ý ly hôn nhưng chị chưa có giải pháp hợp lý để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng để gia đình đoàn tụ. Trong khi đó anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết xin ly hôn. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng anh T và chị Th đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho anh Lê Anh T

được ly hôn chị Nguyễn Thị Phương Th là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Anh T và chị Th có 01 con chung là cháu Lê Tuấn M, sinh ngày 18/7/2018. Anh T và chị Th cùng thống nhất giao con chung cho chị Th được trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, cần giao cháu Lê Tuấn M cho chị Th được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T và chị Th tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Anh T và chị Th không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lê Anh T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Anh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Anh T được ly hôn chị Nguyễn Thị Phương Th.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Tuấn M, sinh ngày 18/7/2018 cho chị Nguyễn Thị Phương Th trực tiếp nuôi dưỡng. Việc nuôi con chung của chị Th được thực hiện cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom,

chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lê Anh T và chị Nguyễn Thị Phương Th tự thỏa thuận, không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung: Anh Lê Anh T và chị Nguyễn Thị Phương Th không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lê Anh T phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Anh T được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai ký hiệu: AA/2021 số 0009736 ngày 10 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng; anh T đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Anh Lê Anh T và chị Nguyễn Thị Phương Th (vắng mặt) tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng;
- UBND phường Đằng Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Quỳnh Như

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Thị Quỳnh Như

